

ỨNG DỤNG KỸ THUẬT NÓI ĐUỐI TRONG LUYỆN KỸ NĂNG NÓI TIẾNG TRUNG QUỐC

Bùi Hồng Vân
Học viện An ninh nhân dân

Tóm tắt: Trong quá trình giảng dạy tiếng Trung, kỹ năng nói thường là kỹ năng gây nhiều khó khăn đối với người học do sự khác biệt về hệ thống ngữ âm, thanh điệu và nhịp điệu ngôn ngữ. Kỹ thuật nói đuổi (shadowing) được xem là một phương pháp luyện nghe – nói hiệu quả, giúp người học cải thiện phát âm, nâng cao khả năng nghe hiểu và hình thành phản xạ giao tiếp. Bài viết trình bày khái niệm, đặc điểm của kỹ thuật nói đuổi và phân tích vai trò của phương pháp này trong việc phát triển kỹ năng nói tiếng Trung Quốc. Đồng thời, bài viết đề xuất một số cách thức vận dụng kỹ thuật nói đuổi trong giảng dạy nhằm nâng cao hiệu quả học tập cho người học tiếng Trung.

Từ khóa: kỹ năng nói, tiếng Trung Quốc, kỹ thuật nói đuổi, phương pháp giảng dạy ngoại ngữ.

APPLICATION OF SHADOWING TECHNIQUE IN TRAINING CHINESE SPEAKING SKILLS

Abstract: In the process of teaching Chinese, speaking skills are often the most difficult for learners due to differences in phonetic systems, tones, and rhythms. Shadowing is considered an effective method for listening and speaking practice, helping learners improve pronunciation, enhance listening comprehension, and develop communication reflexes. This article presents the concept and characteristics of shadowing and analyzes its role in developing Chinese speaking skills. Simultaneously, the article proposes several ways to apply shadowing in teaching to improve the learning effectiveness of Chinese language learners.

Keywords: speaking skills, Chinese language, shadowing technique, foreign language teaching methods.

Nhận bài: 06/03/2026

Phản biện: 23/03/2026

Duyệt đăng: 26/03/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh hội nhập và giao lưu quốc tế ngày càng sâu rộng, nhu cầu học tiếng Trung Quốc tại Việt Nam ngày càng gia tăng. Tuy nhiên, trong quá trình giảng dạy và học tập tiếng Trung Quốc, kỹ năng nói thường được xem là kỹ năng khó nhất đối với người học. Nhiều người học có khả năng đọc hiểu và viết khá tốt nhưng lại gặp khó khăn khi giao tiếp, đặc biệt là trong việc phát âm chuẩn, sử dụng thanh điệu chính xác và phản xạ ngôn ngữ nhanh chóng. Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là do người học ít có cơ hội tiếp xúc với môi trường ngôn ngữ tự nhiên, đồng thời phương pháp luyện nói trong nhiều lớp học vẫn còn thiên về học thuộc hoặc luyện hội thoại theo mẫu. Điều này khiến người học thiếu khả năng phản xạ và chưa hình thành được cảm nhận tự nhiên về nhịp điệu, ngữ điệu của tiếng Trung.

Trong những năm gần đây, kỹ thuật nói đuổi (shadowing technique) đã được áp dụng rộng rãi trong giảng dạy ngoại ngữ và được đánh giá là một phương pháp hiệu quả trong việc phát triển kỹ năng nghe và nói. Phương pháp này yêu cầu người học nghe và lặp lại gần như đồng thời với người nói trong bản ghi âm, từ đó giúp hình thành phản xạ ngôn ngữ tự động, đặc biệt là với một ngôn ngữ có đặc thù thanh điệu phức tạp như tiếng Trung Quốc, kỹ thuật Shadowing (Nói đuổi) đã khẳng định vị thế là một công cụ hỗ trợ đắc lực. Shadowing không đơn thuần là việc lặp lại; đó là

một quá trình nhận thức đòi hỏi người học phải nghe và lặp lại lời nói ngay lập tức với độ trễ tối thiểu (thường là từ 0,2 đến 0,5 giây).

Dưới góc độ tâm lý giáo dục, kỹ thuật nói đuổi (shadowing) được lý giải dựa trên khung lý thuyết về trí nhớ làm việc (working memory). Khi thực hiện hoạt động này, người học phải đồng thời vận hành ba quá trình nhận thức cơ bản, bao gồm: tiếp nhận tín hiệu âm thanh, duy trì thông tin trong bộ nhớ tạm thời và tái tạo lại chuỗi âm thanh đó gần như ngay lập tức. Cơ chế xử lý đồng thời này đặt ra yêu cầu cao đối với năng lực điều phối nhận thức và khả năng xử lý ngôn ngữ trong thời gian thực. Đối với tiếng Trung Quốc, mức độ phức tạp của quá trình nói đuổi càng gia tăng do đặc trưng âm vị học của ngôn ngữ này. Cụ thể, người học không chỉ xử lý các thành phần ngữ âm như thanh mẫu và vận mẫu, mà còn phải đồng thời nhận diện và tái hiện chính xác hệ thống thanh điệu – yếu tố có chức năng khu biệt nghĩa. Điều này làm tăng tải nhận thức, đồng thời đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành phần của trí nhớ làm việc.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Một số đặc điểm cơ bản của Kỹ thuật nói đuổi

Thứ nhất, tính đồng thời giữa nghe và nói. Khác với các phương pháp luyện nói truyền thống, nói đuổi yêu cầu người học xử lý thông tin thính giác và sản xuất ngôn ngữ gần như cùng lúc.

Đặc điểm này kích hoạt mạnh mẽ cơ chế xử lý song song trong trí nhớ làm việc, giúp tăng cường khả năng tự động hóa ngôn ngữ. Trong giảng dạy tiếng Trung, đặc biệt với hệ thống thanh điệu phức tạp, việc nói đuổi giúp người học nhanh chóng hình thành phản xạ ngữ âm chuẩn, giảm độ trễ khi phát âm và cải thiện độ chính xác về thanh điệu.

Thứ hai, tính bắt chước (imitation) cao. Nói đuổi dựa trên việc tái hiện lại ngữ âm, ngữ điệu, nhịp điệu và cả cách ngắt câu của người bản ngữ. Đây là một quá trình học tập thông qua mô phỏng, phù hợp với lý thuyết học tập xã hội. Trong dạy học tiếng Trung, yếu tố này đặc biệt quan trọng vì tiếng Trung là ngôn ngữ có tính âm vị học đặc thù, nơi mà sai lệch nhỏ về thanh điệu có thể làm thay đổi nghĩa. Giáo viên có thể tận dụng đặc điểm này để thiết kế các bài luyện với ngữ liệu chuẩn, giúp người học tiếp cận trực tiếp với “đầu vào chất lượng cao”.

Thứ ba, tính lặp lại có kiểm soát. Nói đuổi không chỉ đơn thuần là lặp lại mà còn là lặp lại có mục tiêu, có thể điều chỉnh tốc độ, độ dài và độ khó của ngữ liệu. Theo quan điểm tâm lý học nhận thức, sự lặp lại có ý thức giúp củng cố trí nhớ dài hạn và tăng cường liên kết thần kinh. Trong thực tiễn giảng dạy, giáo viên tiếng Trung có thể phân tầng bài tập nói đuổi từ cấp độ âm tiết, từ vựng đến câu và đoạn hội thoại, qua đó giúp người học từng bước làm chủ ngôn ngữ.

Thứ tư, tính chú ý cao độ. Do phải theo kịp tốc độ của nguồn âm thanh, người học buộc phải duy trì sự tập trung liên tục. Điều này giúp cải thiện khả năng chú ý chọn lọc và khả năng xử lý thông tin ngôn ngữ trong thời gian thực. Đối với người học tiếng Trung, đây là một lợi thế lớn khi luyện kỹ năng nghe hiểu trong các tình huống giao tiếp tự nhiên, nơi tốc độ nói thường nhanh và ít có khoảng dừng.

Thứ năm, tính phản xạ và tự động hóa. Khi thực hành nói đuổi thường xuyên, người học dần chuyển từ xử lý có ý thức sang xử lý tự động, giảm tải cho trí nhớ làm việc. Đây là cơ chế quan trọng trong việc phát triển năng lực giao tiếp trôi chảy. Trong bối cảnh dạy tiếng Trung, đặc điểm này giúp người học phản ứng nhanh hơn trong hội thoại, đặc biệt khi sử dụng các cấu trúc câu phổ biến.

Cuối cùng, tính tạo động lực và giảm lo âu. So với việc phải tự tạo câu nói, nói đuổi cung cấp một “khung” ngôn ngữ sẵn có, giúp người học giảm áp lực tâm lý. Theo lý thuyết bộ lọc cảm xúc, điều này góp phần tạo môi trường học tập tích cực. Trong lớp học tiếng Trung, giáo viên có thể sử dụng kỹ thuật này như một hoạt động khởi động hoặc luyện tập nhóm nhằm tăng sự hứng thú và tự tin cho người học.

2.2. Vai trò của kỹ thuật nói đuổi trong luyện kỹ năng nói tiếng Trung

Trước hết, nói đuổi đóng vai trò then chốt trong việc chuẩn hóa ngữ âm và thanh điệu – hai yếu tố đặc biệt quan trọng của tiếng Trung. Do đặc trưng là ngôn ngữ thanh điệu, sự sai lệch nhỏ trong cao độ hoặc đường nét thanh điệu có thể dẫn đến thay đổi nghĩa. Khi thực hành nói đuổi với nguồn âm thanh chuẩn của người bản ngữ, người học có cơ hội tiếp xúc trực tiếp với mô hình phát âm chính xác, từ đó hình thành thói quen phát âm đúng thông qua cơ chế bắt chước và lặp lại có kiểm soát. Khi luyện nói theo kỹ thuật nói đuổi, người học không chỉ tái tạo từng âm tiết mà còn học được cách lên – xuống giọng tự nhiên trong câu hỏi, điều mà phương pháp luyện đọc thông thường khó đạt được.

Thứ hai, kỹ thuật này góp phần phát triển độ trôi chảy (fluency) trong nói. Một trong những trở ngại phổ biến của người học tiếng Trung là sự ngập ngừng do phải suy nghĩ về từ vựng và cấu trúc câu trước khi phát ngôn. Nói đuổi giúp giảm thiểu hiện tượng này bằng cách rèn luyện khả năng sản sinh ngôn ngữ gần như tự động, không thông qua quá trình dịch hay phân tích trung gian. Khi được thực hành thường xuyên, người học dần hình thành các “mẫu câu sẵn có” trong trí nhớ dài hạn, từ đó có thể sử dụng linh hoạt trong giao tiếp thực tế.

Thứ ba, nói đuổi tăng cường khả năng phản xạ ngôn ngữ trong thời gian thực. Trong giao tiếp tự nhiên, người học phải vừa nghe hiểu vừa phản hồi gần như ngay lập tức. Kỹ thuật nói đuổi mô phỏng chính xác yêu cầu này khi buộc người học phải theo kịp tốc độ của dòng ngôn ngữ đầu vào. Điều này giúp rèn luyện khả năng xử lý thông tin nhanh, cải thiện sự phối hợp giữa nghe và nói. Người học không chỉ lặp lại lời thoại mà còn dần quen với nhịp độ hội thoại, từ đó nâng cao khả năng tham gia giao tiếp thực tế.

Thứ tư, về mặt tâm lý, nói đuổi góp phần giảm lo âu và tăng cường sự tự tin khi nói. Do người học không phải tự tạo nội dung ngay từ đầu mà dựa trên nguồn ngữ liệu có sẵn, áp lực về mặt ý tưởng và ngữ pháp được giảm bớt. Điều này đặc biệt hữu ích đối với người học ở trình độ sơ – trung cấp, những người thường e ngại khi phải phát biểu độc lập. Khi đã quen với việc phát âm liên tục và trôi chảy thông qua nói đuổi, người học sẽ dần chuyển sang sản sinh ngôn ngữ một cách chủ động hơn.

Cuối cùng, kỹ thuật nói đuổi còn đóng vai trò như một cầu nối giữa luyện tập có kiểm soát và giao tiếp tự do. Nó giúp người học chuyển từ giai đoạn bắt chước sang giai đoạn sáng tạo ngôn ngữ,

thông qua việc tích lũy và nội tại hóa các mẫu ngôn ngữ. Nhờ đó, kỹ năng nói không chỉ dừng lại ở mức độ chính xác mà còn đạt tới mức độ linh hoạt và tự nhiên.

2.3. Ứng dụng kỹ thuật nói đuôi trong giảng dạy tiếng Trung

Trước hết, kỹ thuật nói đuôi cần được tích hợp vào tiến trình luyện nói theo từng giai đoạn. Ở giai đoạn sơ cấp, người học nên áp dụng nói đuôi ở mức độ chậm, có kiểm soát. Cụ thể, người học lựa chọn các đoạn hội thoại ngắn (5–10 giây), nghe trước để nắm nội dung, sau đó tiến hành nói đuôi với tốc độ chậm hơn bản gốc. Ở giai đoạn này, mục tiêu chính là nhận diện âm, thanh điệu và bắt chước chính xác cách phát âm. Người học có thể dùng – lặp – nói đuôi từng câu, nhằm tránh quá tải nhận thức.

Khi chuyển sang trình độ trung cấp, việc ứng dụng kỹ thuật nói đuôi cần tăng dần độ phức tạp. Người học không chỉ lặp lại âm thanh mà còn phải đồng thời hiểu nội dung và chú ý đến cấu trúc câu. Một cách triển khai hiệu quả là áp dụng “nói đuôi có ý thức”: sau khi nghe và nói đuôi, người học cần tóm tắt lại nội dung hoặc thay đổi một số yếu tố trong câu (chủ ngữ, thời gian, hoàn cảnh) để tạo ra câu nói mới. Điều này giúp chuyển từ bắt chước thụ động sang sử dụng ngôn ngữ một cách chủ động, qua đó nâng cao khả năng diễn đạt.

Ở trình độ cao cấp, kỹ thuật nói đuôi có thể được sử dụng như một công cụ để hoàn thiện phong cách nói và tư duy ngôn ngữ. Người học nên thực hành với các nguồn tài liệu đa dạng như bản tin, bài phát biểu, podcast hoặc hội thoại tự nhiên của người bản xứ. Lúc này, yêu cầu không chỉ là theo kịp tốc độ mà còn phải thể hiện được ngữ điệu, cảm xúc và sắc thái giao tiếp. Một phương pháp nâng cao là “nói đuôi đồng thời” (simultaneous shadowing), trong đó người học nói gần như cùng lúc với người bản ngữ mà không có độ trễ đáng kể. Đây là cách rèn luyện phản xạ ngôn ngữ ở mức độ cao, gần với điều kiện giao tiếp thực tế.

Bên cạnh việc phân chia theo trình độ, kỹ thuật nói đuôi cũng cần được ứng dụng linh hoạt trong các dạng bài tập cụ thể. Thứ nhất, có thể sử dụng nói đuôi như một hoạt động khởi động trong lớp học, giúp người học “làm nóng” khả năng nghe –

nói và tập trung vào âm thanh ngôn ngữ. Thứ hai, nói đuôi có thể được kết hợp với hoạt động đóng vai trong đó người học trước tiên nói đuôi theo mẫu hội thoại, sau đó tự xây dựng hội thoại tương tự. Thứ ba, trong tự học, người học có thể áp dụng chu trình 4 bước: (1) nghe hiểu, (2) nói đuôi, (3) ghi âm – so sánh, (4) điều chỉnh và lặp lại. Chu trình này giúp quá trình luyện tập trở nên có hệ thống và có thể đo lường tiến bộ.

Một khía cạnh quan trọng khác trong ứng dụng kỹ thuật nói đuôi là sử dụng công nghệ hỗ trợ. Các ứng dụng học ngôn ngữ, phần mềm điều chỉnh tốc độ âm thanh hoặc công cụ nhận diện giọng nói có thể giúp người học luyện tập hiệu quả hơn. Việc ghi âm và so sánh với bản gốc giúp người học tự nhận diện lỗi về phát âm, ngữ điệu và nhịp điệu – điều mà trong nhiều trường hợp, người học khó tự nhận ra nếu chỉ luyện tập thông thường.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng nói đuôi không nên được sử dụng một cách tách biệt mà cần kết hợp với các kỹ năng khác như từ vựng, ngữ pháp và giao tiếp thực tế. Nếu chỉ lặp lại một cách máy móc, người học có thể cải thiện phát âm nhưng lại hạn chế về khả năng diễn đạt sáng tạo. Do đó, mỗi lần luyện nói đuôi nên gắn với một mục tiêu cụ thể, chẳng hạn như học một cấu trúc câu mới, cải thiện một lỗi phát âm cụ thể hoặc luyện một chủ đề giao tiếp nhất định.

III. KẾT LUẬN

Kỹ thuật nói đuôi là một phương pháp luyện nghe – nói hiệu quả trong việc nâng cao kỹ năng nói tiếng Trung Quốc cho người học. Thông qua việc kết hợp đồng thời giữa nghe và lặp lại, người học có thể cải thiện phát âm, nâng cao khả năng nghe hiểu và phát triển phản xạ giao tiếp. Trong bối cảnh đổi mới phương pháp dạy học ngoại ngữ hiện nay, việc vận dụng linh hoạt kỹ thuật nói đuôi trong giảng dạy tiếng Trung có ý nghĩa quan trọng. Phương pháp này không chỉ giúp người học nâng cao năng lực giao tiếp mà còn góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ. Trong tương lai, cần có thêm những nghiên cứu thực nghiệm nhằm đánh giá cụ thể hơn hiệu quả của kỹ thuật nói đuôi trong các bối cảnh giảng dạy khác nhau, từ đó đề xuất những mô hình áp dụng phù hợp trong đào tạo tiếng Trung tại Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Văn Cường (2016). Phương pháp dạy học tích cực trong giáo dục. NXB Đại học Sư phạm.
 刘珣 (2018). 对外汉语教育学引论. 北京语言大学出版社.
 Nguyễn Thị Kim Chi, Trần Thị Hồng, & Lê Minh Tuấn (2024). Sử dụng kỹ thuật nói đuôi (shadowing) nhằm nâng cao kỹ năng nói cho sinh viên năm nhất chuyên Anh. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, 19(1), 78–89.
 Nguyễn Văn Huy (2025). Hiệu quả của việc áp dụng kỹ thuật nói đuôi trong cải thiện kỹ năng nói cho sinh viên năm nhất. Tạp chí Giáo dục, 3(2), 112–120.
 Trần Thị Lan Anh (2022). Ứng dụng kỹ thuật shadowing trong dạy học phát âm tiếng Anh cho sinh viên không chuyên. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, 18(4), 45–52.